

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BẮC QUANG  
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 54/2023/HS-ST  
Ngày 14 - 9 - 2023

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Nhung

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lăng Đức Quang

Ông Nguyễn Hồng Diệm

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Đức Chung - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 48/2023/TLST-HS ngày 18 tháng 7 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2023/QĐXXST- HS ngày 31 tháng 8 năm 2023 đối với bị cáo:

**Nguyễn Đình T**, sinh ngày 23/5/1992 tại huyện B, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Căn cước công dân số: 002092006956 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 14/4/2023; con ông Nguyễn Đình T1 (đã chết) và bà Trần Thị N; vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tại Bản án số 47/2023/HSST ngày 22/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xử phạt bị cáo Nguyễn Đình T 09 tháng tù về tội “*Chống người thi hành công vụ*”. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H trong vụ án khác (Có mặt).

**- Bị hại:** Bà Đỗ Thị T2, sinh năm 1970; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

**- Người làm chứng:**

+ Ông Nguyễn Quang L, sinh năm 1964; Có mặt

+ Bà Trần Thị N, sinh năm 1956; Có mặt

+ Ông Trương Quốc B, sinh năm 1950; Vắng mặt.

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 18/4/2023, Nguyễn Đình T, sinh năm 1992 đang ở nhà tại thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang thì thấy bà Đỗ Thị T2, sinh năm 1970, trú tại thôn T, xã T, huyện B vào nhà mình chơi với bà Trần Thị N (mẹ đẻ của T). Trong lúc đang nói chuyện với bà T2 thì bà N quay sang hỏi T "Tuyển ơi, chú L có tội tình gì đâu, sao mày lấy gậy sắt gõ vào đầu chú ấy", T trả lời "gõ đâu mà gõ", thấy T nói vậy, bà N không nói gì mà quay sang tiếp tục nói chuyện với bà T2. Khoảng 10 đến 15 phút sau bà T2 đi về, khi đi được khoảng 3m thì bà T2 quay lại lấy bao tải chè do bà để quên nhà bà N. Lấy được bao tải chè, bà T2 đi được khoảng 5m thì bất ngờ bị đánh từ phía sau, bà T2 quay lại nhìn thì thấy tay phải T đang cầm 01 (một) đoạn gậy bằng kim loại màu trắng dài 93,5cm (*chín mươi ba phẩy năm centimet*), đường kính 2cm (*hai centimet*) vọt liên tiếp nhiều phát vào cánh tay trái của bà T2 khiến bà bị đau nên bà hô lên "*Tuyển ơi T, cô làm sao mà mày đánh cô*" nhưng T không nói gì mà tiếp tục giơ gậy lên vọt về phía bà T2, lúc này bà T2 bỏ chạy thì bị ngã xuống đất, thấy vậy T cầm gậy đi về phía bà T2 tiếp tục đánh vào người và tay bà T2. Bà T2 sợ hãi đội nón và dùng tay ôm đầu thì bị T dùng gậy đánh trúng vào tay đồng thời khiến nón bị thủng, còn chiếc gậy thì cong vênh, móp méo, bà T2 tiếp tục kêu cứu và nói "*Tuyển ơi, mày đánh tao thế này thì chết à*" thì T mới dừng lại, lúc này bà T2 sợ hãi bỏ chạy về nhà và được gia đình đưa đến bệnh viện Đ huyện B, tỉnh Hà Giang để điều trị. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là bà Đỗ Thị T2 yêu cầu bị cáo có trách nhiệm bồi thường các khoản chi phí với tổng số tiền là 103.271.400đ (*một trăm linh ba triệu hai trăm bảy mươi mốt nghìn bốn trăm đồng*), hiện bị cáo vẫn chưa bồi thường cho bà T2. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã thu giữ những vật chứng gồm: 01 (một) chiếc gậy bằng kim loại, màu trắng, bị móp méo, gậy cong vênh có đường kính: 02 cm, chiều dài 93,5 cm; 01 (một) chiếc nón lá, cũ đã qua sử dụng, quay nón được làm bằng vải màu tím, tại vị từ đỉnh chóp nón 13,5 cm có một lỗ thủng kích thước 4,5cm x 06cm.

Ngày 17/05/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B ban hành Quyết định trưng cầu giám định số 118, trưng cầu Trung tâm pháp y tỉnh H giám định tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với thương tích của bà Đỗ Thị T2 với những nội dung sau: "Giám định tỷ lệ tổn hại phần trăm sức khỏe do thương tích gây nên đối với bà Đỗ Thị T2; Xác định chiều hướng, cơ chế hình thành thương tích trên cơ thể Đỗ Thị T2; Các thương tích trên cơ thể Đỗ Thị T2 do vật gì gây nên? Có phải do chiếc gậy bằng kim loại (mẫu so sánh gửi kèm theo) gây nên không? Kèm theo Quyết định giám định có 01 (một) chiếc gậy bằng kim loại, màu trắng, bị móp méo, gậy cong vênh có đường kính 02cm, chiều dài 93,5cm".

Tại Bản kết luận giám định số 46/KLTTCT-TTPY ngày 25/05/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh H, kết luận:

*" Các kết quả chính: Gãy đầu xa đốt bàn ngón 2, bàn tay phải, ảnh hưởng đến vận động 12%.*

*- Kết luận: Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Đỗ Thị T2 tại thời điểm giám định là 12% (mười hai phần trăm).*

*- Cơ chế tổn thương gãy đầu xa đốt bàn ngón 2, bàn tay phải: Do vật tày tác động với một lực mạnh hướng vuông góc với mặt mu bàn tay phải gây nên.*

*- Vật gây thương tích: Qua nghiên cứu hồ sơ giám định và tang vật do Cơ quan CSĐT Công an huyện B mang đến giám định, đoạn gãy gửi giám định là hung khí có thể phù hợp gây nên thương tích gãy đầu xa đốt bàn ngón 2, bàn tay phải".*

Với hành vi trên, tại Cáo trạng số 51/CT-VKS ngày 18/7/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang truy tố Nguyễn Đình T về tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134, dẫn chiếu điểm a, i khoản 1 Điều 134 của Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu.

Còn bị hại Đỗ Thị T2, tại phiên tòa bà đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết buộc bị cáo Nguyễn Đình T phải bồi thường trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với Nguyễn Đình T.

Về điều luật và hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, dẫn chiếu điểm a, i khoản 1 Điều 134, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Đình T từ 02 năm 09 tháng đến 03 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án hình phạt tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị áp dụng các Điều 584, 585, 586, 590 của Bộ luật Dân sự, chấp nhận các khoản yêu cầu bồi thường có tài liệu, chứng cứ cùng các chi phí hợp lý của bị hại Đỗ Thị T2.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Phần tranh luận, bị cáo nhất trí với tội danh, điều luật áp dụng và mức hình phạt, Kiểm sát viên đã đề nghị trong bản luận tội.

Lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm trở thành người công dân có ích cho xã hội.

### NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan cảnh sát điều tra huyện B, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; tại phiên tòa Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn khi thực hành quyền công tố. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, vắng mặt người làm chứng, xét thấy họ đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng trong hồ sơ vụ án và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Trên cơ sở ý kiến của Kiểm sát viên và xét thấy sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Do đó, căn cứ Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn xét xử theo thủ tục chung.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo tiếp tục khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai và bản tự khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, các vật chứng đã thu giữ và phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng; biên bản sự việc, biên bản kiểm tra xác định nơi xảy ra vụ việc, biên bản xác định hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh, các kết luận giám định, bệnh án ngoại khoa và các chứng cứ, tài liệu đồ vật khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 11 giờ ngày 18/4/2023, Nguyễn Đình T dùng 01 (một) chiếc gậy bằng kim loại, màu trắng, có đường kính 02cm, chiều dài 93,5cm đánh nhiều phát vào cánh tay trái bà Đỗ Thị T2, thấy vậy bà T2 bỏ chạy thì bị ngã xuống đất, lúc này T tiếp tục cầm gậy đánh liên tiếp vào tay và người bà T2. Hậu quả làm bà T2 bị tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là **12% (mười hai phần trăm)**. Do đó bị cáo **Nguyễn Đình T** phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134, dẫn chiếu điểm a, i khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát huyện B đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo gây ra thuộc tội phạm nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội có khung hình phạt tù từ 02 năm đến 06 năm. Hành vi đó đã trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người khác là khách thể được pháp luật hình sự Việt Nam bảo vệ. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận

thức được rằng tính mạng, sức khỏe của con người là thiêng liêng, bất khả xâm phạm được Nhà nước ghi nhận, pháp luật bảo vệ, ai cố tình vi phạm sẽ bị nghiêm trị, nhưng do bị cáo coi thường pháp luật, coi thường sức khỏe của người khác, cho dù giữa bị hại và bị cáo không có mâu thuẫn gì nhưng ngày 18/4/2023 khi bị hại đến nhà chơi sau đó ra về, bị cáo đã ngang nhiên cầm 01 đoạn gậy bằng kim loại, màu trắng, có đường kính 02cm, chiều dài 93,5cm đánh nhiều phát vào tay gây thương tích cho bị hại, hành vi của bị cáo là dùng hung khí nguy hiểm và mang tính chất côn đồ được dẫn chiếu điểm a, i khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo nói riêng và phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của người phạm tội thấy rằng: Trong vụ án này bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhưng bị cáo là người có nhân thân xấu, ngày 22/8/2023 bị Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xử 09 tháng tù về tội Chống người thi hành công vụ, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, do đó khi áp dụng mức hình phạt cũng xem xét để bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Giai đoạn điều tra bị hại Đỗ Thị T2 yêu cầu bị cáo phải bồi thường chi phí điều trị tại Bệnh viện đa khu vực B từ ngày 18/4/2023 đến ngày 25/4/2023 là 8 ngày, với tổng số tiền là 103.271.400đ (*một trăm linh ba triệu hai trăm bảy mươi một nghìn bốn trăm đồng*), gồm: Tiền thuê xe đi lại (lượt đi và về) là: 02 lượt x 250.000đ = 500.000đ (*năm trăm nghìn đồng*); chi phí điều trị nội trú tại Bệnh viện Đ (từ ngày 18/4/2023 đến ngày 25/4/2023) là 5.597.600đ (*năm triệu năm trăm chín mươi bảy nghìn sáu trăm đồng*; tiền ăn 02 người x 8 ngày = 3.200.000đ (*Ba triệu hai trăm nghìn đồng*); tiền mua thuốc nam 3.500.000đ (*Ba triệu năm trăm nghìn đồng*), tiền kim luân 20.000đ/ngày x 8 ngày = 160.000đ (*Một trăm sáu mươi nghìn đồng*); tiền mua thuốc ngoài 450.000đ (*bốn trăm năm mươi nghìn đồng*); tiền công không lao động được và công người chăm sóc là 02 người trong 02 tháng (60 ngày) x 300.000đ/ngày/người = 36.000.000đ (*Ba mươi sáu triệu đồng*); tiền vé xe đi khám tại Bệnh viện V = 1.200.000đ (*Một triệu hai trăm nghìn đồng*), tiền mua thuốc 2.096.800đ (*Hai triệu không trăm chín mươi sáu nghìn tám trăm đồng*); tiền Bệnh viện V đánh máy nhằm tên (T2 - H) 567.000đ (*năm trăm sáu mươi bảy nghìn đồng*), bồi thường sức khỏe bị tổn hại là 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*). Bị cáo không nhất trí đối với yêu cầu về trách nhiệm dân sự mà bị hại đã đề nghị nêu trên. Do đó tại phiên tòa bà Đỗ Thị T2 đề nghị giải quyết về phần yêu cầu bồi thường theo quy định của pháp luật.

[7] Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, xét thấy yêu cầu của bị hại Đỗ Thị T2 về việc buộc bị cáo phải bồi thường trách nhiệm dân sự do hành vi vi phạm pháp của bị cáo gây ra là đúng quy định. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử căn cứ vào các khoản chi phí thực tế, các khoản chi có chứng từ phù hợp với quy định của pháp luật để buộc bị

cáo Nguyễn Đình T phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bị hại Đỗ Thị T2 theo quy định tại các Điều 584, 585, 586 Bộ luật Dân sự, gồm các khoản sau: Tiền thuê xe đi lại điều trị bệnh tại Bệnh viện Đ, lượt đi và về (250.000đ x 2) là **500.000đ** (Năm trăm nghìn đồng); tiền mua thuốc bên ngoài (do bác sĩ chỉ định) để điều trị là **450.000đ** (bốn trăm năm mươi nghìn đồng); Tiền chi phí điều trị nội trú thực tế bị hại phải thanh toán là **559.760đ** (Năm trăm năm mươi chín nghìn bảy trăm sáu mươi đồng); tiền bồi thường do sức khỏe bị tổn hại (tỷ lệ tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định là 12%) với 6 lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định (1.800.000/tháng x 6 tháng) là **10.800.000đ** (Mười triệu tám trăm nghìn đồng); tiền thu nhập thực tế bị mất của bị hại trong thời gian điều trị là 8 ngày x 200.000đ/ngày (theo mức thu nhập trung bình của lao động cùng loại xác minh tại địa phương) là **1.600.000đ** (Một triệu sáu trăm nghìn đồng), tiền thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc bị hại trong thời gian điều trị là 8 ngày x 200.000đ/ngày (theo mức thu nhập trung bình của lao động cùng loại xác minh tại địa phương) là **1.600.000đ** (Một triệu sáu trăm nghìn đồng). Tổng số tiền bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Đỗ Thị T2 là **15.509.760đ** (Mười lăm triệu, năm trăm linh chín nghìn bảy trăm sáu mươi đồng).

[8] Đối với các khoản bị hại Đỗ Thị T2 đã yêu cầu bồi thường còn lại, Hội đồng xét xử xét thấy có khoản tiền bị hại yêu cầu bồi thường quá cao không đúng với chi phí thực tế, không có căn cứ và các khoản yêu cầu bồi thường không có chứng từ và không đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận.

[9] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xử lý như sau: Đối với 01 (một) chiếc gậy bằng kim loại, màu trắng, bị móp méo, gãy cong vênh có đường kính: 02 cm, chiều dài 93,5 cm và 01 (một) chiếc nón lá, cũ đã qua sử dụng, quay nón được làm bằng vải màu tím, tại vị từ đỉnh chóp nón 13,5 cm có một lỗ thủng kích thước 4,5cm x 06cm, đây là những công cụ bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội và là những đồ vật không còn giá trị, không sử dụng được nên cần tịch thu, tiêu hủy.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo và án phí dân sự có giá ngạch theo quy định. Bị hại Đỗ Thị T2 là người yêu cầu bồi thường về sức khỏe nên được miễn án phí đối với các yêu cầu bồi thường về phần dân sự không được chấp nhận.

[11] Từ những phân tích nêu trên, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về giải quyết vụ án, đề nghị về tội danh, đề nghị áp dụng điều luật và mức hình phạt đối với bị cáo, về trách nhiệm dân sự, về xử lý vật chứng và án phí là hoàn toàn có cơ sở và đúng quy định của pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ Điều 47, 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 và Điều 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các Điều 584, 585, 586, 590 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Đình T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

2. Hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình T 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án hình phạt tù.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Đình T phải bồi thường cho bà Đỗ Thị T2, sinh năm 1970, trú tại: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang tổng số tiền là 15.509.760đ (*Mười lăm triệu, năm trăm linh chín nghìn bảy trăm sáu mươi đồng*).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về xử lý vật chứng: Tuyên tịch thu tiêu huỷ 01 (*một*) chiếc gậy bằng kim loại, màu trắng, bị móp méo, gãy cong vênh có đường kính 02 cm, chiều dài 93,5 cm; 01 (*một*) chiếc nón lá, cũ đã qua sử dụng, quay nón được làm bằng vải màu tím, tại vị từ đỉnh chóp nón 13,5 cm có một lỗ thủng kích thước 4,5cm x 06cm. (*Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan công an huyện B và Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang ngày 31/7/2023*).

5. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Đình T phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí án phí hình sự sơ thẩm và 775.488đ (*Bảy trăm bảy mươi lăm nghìn bốn trăm tám mươi tám đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hà Giang;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- UBND xã Tân Thành, huyện Bắc Quang;
- Công an huyện Bắc Quang (02 bản);
- Chi cục THADS huyện Bắc Quang;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, THA phạt tù.

**Nguyễn Thị Nhung**